

BÁO CÁO **HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG LATVIA**



MÃ HOẠT ĐỘNG: EU-15 (Hồ sơ thị trường)

“Hỗ trợ Bộ Công Thương nghiên cứu và tập hợp hồ sơ thị trường của các nước thành viên EU và nghiên cứu về một số ngành liên quan đến xuất khẩu của Việt Nam”

Bản cuối cùng

Hà Nội, tháng 10/2015

**Chuyên gia soạn thảo: Lê Hải Triều
Phạm Thế Phương**

Báo cáo này được thực hiện với sự hỗ trợ tài chính của Liên minh châu Âu. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo này, cũng như mọi sai sót và chi tiết chưa chính xác đều thuộc trách nhiệm của các tác giả và không thể hiện quan điểm của Bộ Công Thương hay quan điểm của Phái đoàn Liên minh châu Âu.

MỤC LỤC	Trang
I. GIỚI THIỆU KHẮT QUÁT VỀ THỊ TRƯỜNG LATVIA.....	4
1. Thông tin cơ bản	4
2. Địa lý.....	4
3. Khí hậu.....	4
4. Xã hội.....	4
5. Thể chế và cơ cấu hành chính.....	5
5.1 <i>Thể chế</i>	5
5.2 <i>Cơ cấu hành chính</i>	7
6. Hệ thống pháp luật.....	7
7. Lịch sử	7
8. Văn hoá	9
9. Giáo dục	11
10. Ngày nghỉ lễ tết.....	12
II. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ, THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ.....	13
1. Kinh tế.....	13
2. Thương mại.....	13
3. Cơ sở hạ tầng kinh tế	14
4. Các chỉ số kinh tế, thương mại, đầu tư cơ bản.....	15
5. Quan hệ quốc tế	16
III. QUAN HỆ HỢP TÁC VỚI VIỆT NAM.....	17
1. Quan hệ ngoại giao	17
2. Quan hệ hợp tác kinh tế - thương mại	17
IV. MỘT SỐ ĐIỀU CẦN BIẾT KHI KINH DOANH VỚI THỊ TRƯỜNG LATVIA..	20
1. Các quy định về xuất nhập khẩu	20
1.1 <i>Chứng từ nhập khẩu</i>	20
1.2 <i>Các mặt hàng cấm nhập khẩu</i>	21
1.3 <i>Các mặt hàng hạn chế nhập khẩu</i>	21
2. Chính sách thuế và thuế suất.....	22
2.1 <i>Thuế nhập khẩu</i>	22
2.2 <i>Thuế giá trị gia tăng</i>	22
2.3 <i>Thuế thu nhập</i>	23
3. Quy định về bao gói, nhãn mác	23
4. Quy định về kiểm dịch động thực vật.....	24
5. Văn hóa kinh doanh	25
V. ĐÁNH GIÁ TIỀM NĂNG THỊ TRƯỜNG LATVIA.....	27
VI. ĐỊA CHỈ HỮU ÍCH	28
VII. TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	28

I. Giới thiệu khái quát về thị trường Latvia

1. Thông tin cơ bản

Tên chính thức: Cộng hòa Latvia (Republic of Latvia)

Vị trí địa lý: Phía Bắc giáp E-xtô-ni-a, phía Đông giáp Nga và Bê-la-rút, phía Nam giáp Lít-va, phía Tây giáp biển Ban tích. Địa hình chủ yếu là đồng bằng.

Diện tích: 64.589 km²

Dân số: 2.165.165 người (tháng 7 năm 2014)

Thủ đô: Ri-ga (Riga)

Ngôn ngữ chính thức: Tiếng Latvia

Đơn vị tiền tệ: Đồng Lat (LVL), 1 LVL = 0,5422 USD (2010).

Ngày Quốc khánh: 18/11/1918

Ngày tuyên bố độc lập: 21/8/1991

2. Địa lý

- **Vị trí địa lý:** Thuộc khu vực Đông Âu, phía Tây giáp biển Baltic, phía Bắc giáp E-xtô-ni-a, phía Đông giáp Nga và Bê-la-rút, phía nam giáp Lít-va.

- **Diện tích:** Tổng số: 64.589 km²

Trong đó:

Diện tích đất là 62,249 km²;

Diện tích nước là 2.340 km².

- **Điểm thấp nhất:** Biển Baltic 0m

- **Điểm cao nhất:** Gaizina Kalns 312m

- **Tài nguyên thiên nhiên:** Than bùn, đá vôi, đolômít, hồ phách, thủy điện, gỗ, đất canh tác.

3. Khí hậu

Biển, lục địa, ôn đới, ẩm, nhiệt độ trung bình tháng 7 là 18°C, tháng 1 là -2 đến -7°C.

4. Xã hội

(Số liệu ước 2014 - Nguồn: CIA The World Factbook)

Dân số: 2.165.165 người (tháng 7 năm 2014)

Cơ cấu độ tuổi:

0-14 tuổi: 14,2% (nam 156.851/ 150.074 nữ)

15-24 tuổi: 11% (nam 121.435/ 116.602 nữ)

25-54 tuổi: 44,8% (nam 481.336/ 487.991 nữ)

55-64: 12,8% (nam 122.544/ 155.114 nữ)

65 tuổi trở lên: 17,2% (nam 121.668/251.550 nữ)

Tỷ lệ tăng trưởng dân số: -0,62%

Tỷ lệ sinh: 9.79 ca sinh/ 1.000 dân

Tỷ lệ tử: 13,6 ca tử vong/ 1.000 dân

Tỷ lệ nhập cư: -2,37 nhập cư/ 1.000 dân

Cơ cấu giới tính:

Độ tuổi trung bình: 41,4 năm

Nam: 38,4 tuổi

Nữ: 44,3 tuổi (2014)

Tỷ số giới tính: 0,86 nam/ nữ

Mới sinh: 1,05 nam/ nữ

0-14 tuổi: 1,05 nam/ nữ

15-24: 1,04 nam/ nữ

25-54 tuổi: 0,99 nam/ nữ

55-64: 0,86 nam/ nữ

65 tuổi trở lên: 0,48 nam/ nữ

Tuổi thọ trung bình: 73,44 năm

Nam: 68,41 năm

Nữ: 78,75 năm (2014)

Dân tộc: Latvian 61,1%; Nga 26,2%; Belarus 3,5%; 2,3% người Ukraina; 2,2% Ba Lan; 1,3% Lithuania; 3,4 % (khác).

Tôn giáo: Lutheran 19,6%; Chính thống giáo 15,3%; Christian 1%; 0, loại khác 0,4%, và không xác định 63,7%.

Ngôn ngữ: Tiếng Latvia (chính thức) 56,3%, Nga 33,8%, khác 0,6% (Bao gồm Ba Lan, Ukraine, Belarus), không xác định 9,4%

5. Thể chế và cơ cấu hành chính

5.1 Thể chế

Thể chế nhà nước: Cộng hòa nghị viện

Tổng thống là công dân Latvia đủ 40 tuổi trở lên, không có quốc tịch khác, không giữ các chức vụ khác, được không ít hơn 51/100 đại biểu Quốc hội bầu nhiệm kỳ bốn năm (không quá 2 nhiệm kỳ liên tục). Tổng thống có thể bị miễn nhiệm theo đề nghị của không ít hơn 1/2 số đại biểu Quốc hội và trong bỏ phiếu kín với không ít hơn 2/3 số đại biểu. Trong trường hợp, Tổng thống đề nghị giải tán Quốc hội, mà trong trưng cầu dân ý hơn 1/2 số phiếu phản đối thì Tổng thống mặc nhiên bị phế truất. Tổng thống đại diện cho nhà nước trong quan hệ quốc tế, thực hiện các quyết định của Quốc hội về phê duyệt các điều ước quốc tế, là Tổng tư lệnh các lực lượng vũ trang. Tổng thống có quyền sáng kiến lập pháp.

Cơ quan lập pháp của Latvia là Quốc hội 1 viện với 100 đại biểu được bầu bởi phổ thông đầu phiếu nhiệm kỳ bốn năm. Các cuộc bầu cử trước đây đã được tổ chức vào năm 2011, nhưng theo hiến pháp của đất nước, thời hạn của quốc hội đã được giảm xuống chỉ ba năm sau cuộc bầu cử sớm (cuộc bầu cử năm 2011 đã diễn ra một năm sau cuộc bầu cử năm 2010). Ngày 27 tháng 12 năm 2013, các Đảng Cải cách công bố một thỏa thuận bầu cử với đối tác liên minh chính phủ Unity. Cuộc bầu cử Quốc hội mới nhất diễn ra vào ngày 04 tháng 10 năm 2014 tại Latvia. Đây là cuộc bầu cử quốc hội đầu tiên kể từ khi Latvia gia nhập Liên minh châu Âu (EU) và Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) năm 2004 và là cuộc tổng tuyển cử thứ năm kể từ khi nước này tách khỏi Liên bang Xô viết cũ 15 năm trước. Có tất cả 13 chính đảng và khối bầu cử cạnh tranh 100 ghế trong Quốc hội Latvia lần này. Trong đó gay gắt nhất là cuộc đua giữa liên minh trung hữu của Thủ tướng Laimdota Straujuma theo đường lối cứng rắn, vốn hoan nghênh việc NATO tăng cường lực lượng trong khu vực để đối phó với Nga, với đảng đối lập Harmony thiên tả đối lập.

Cuộc bầu cử để bầu ra Quốc hội mới Latvia diễn ra trong bối cảnh cuộc khủng hoảng ở Ukraine và những lo ngại liên quan tới việc đối phó với nước láng giềng Nga. Các nhà bình luận cho rằng hiếm khi nào cử tri Latvia lại đặc biệt quan tâm đến chính sách đối ngoại của Riga như trong cuộc bầu cử lần này. Khủng hoảng tại Ukraine đã làm dấy lên hiềm khích giữa Riga với Moscow. Cộng đồng người Latvia nói tiếng Nga chiếm gần 1/4 dân số nước này. Là một quốc gia nằm sát cạnh Nga, cử tri Latvia đặc biệt lo ngại trước chính sách của Tổng thống Putin đối với Ukraine và không muốn để bị lôi kéo vào vòng kiềm tỏa của Liên bang Nga.

Lãnh đạo đảng Harmony đồng thời là Thị trưởng Riga Nils Usakovs là một chính trị gia trẻ tuổi, lôi cuốn và hùng hồn. Là người thuộc cộng đồng thiểu số nói tiếng Nga, ông nhận được đa số ủng hộ của cử tri trong cộng đồng này, những người chủ trương cân bằng xu hướng thân Phương Tây với các mối quan hệ mạnh mẽ hơn với Moscow.

Còn lãnh đạo đảng Unity, nữ Thủ tướng Laimdota Straujuma, kể từ khi lên cầm quyền tháng 1/2014 đã tăng ngân sách quốc phòng và thắt chặt quan hệ với hai nước khác trong vùng Baltic là Estonia và Lithuania. Cả ba quốc gia này cùng yêu cầu tăng cường sự hiện diện của khối NATO trong vùng.

Kết quả của cuộc bầu cử, Đảng Harmony đứng đầu chiếm 23% phiếu bầu, chiếm 24 ghế; Đảng Unity (do nữ Thủ tướng Laimdota Strauma lãnh đạo) chiếm 21,87% phiếu bầu, chiếm 23 ghế; theo sát là Đảng Liên minh xanh và nông dân chiếm 19,53% phiếu bầu, chiếm 21

ghế; Đảng Liên minh dân sự chiếm 16,61 % phiếu bầu và 17 ghế, hai đảng mới là Trái tim dành cho Latvia đạt 6,87% phiếu bầu, 7 ghế và Hiệp hội của các địa phương đã chiếm 6,66% phiếu bầu, chiếm 8 ghế.

5.2 Cơ cấu hành chính

Cả nước chia thành 26 hạt và 7 thành phố tự trị.

6. Hệ thống pháp luật

7. Lịch sử

Thời kỳ Tiền sử

Tổ tiên của người Latvia là những bộ lạc Baltic cổ đã sống ở phía đông bờ biển Baltic từ thiên niên kỷ thứ 3 trước công nguyên. Từ thời đó, Latvia đã là một nơi giao thương quan trọng để người Viking đi từ bán đảo Scandinavia qua sông Daugava đến nước Nga và Đế quốc Byzantine. Bờ biển Latvia nổi tiếng toàn châu Âu bởi mặt hàng hổ phách quý hiếm của nó.

Vào thế kỷ 10, các bộ lạc Baltic bắt đầu thành lập các vương quốc tại khu vực này. Bốn nền văn hóa phát triển tại khu vực là các vương quốc của người Couronians, Latgallians, Selonians và Semigallians.

Trong đó, vương quốc của người Latgallians là phát triển nhất và có ảnh hưởng sâu rộng về chính trị và xã hội. Người Couronians thì vẫn tiến hành những cuộc chiến tranh xâm lược và cướp bóc trong một thời gian dài. Còn người Selonians và Semigallians lại là những nông dân thịnh vượng và ít có những xung đột hay chiến tranh.

Thời kỳ thuộc Đức

Do nằm ở một vị trí chiến lược, Latvia thường xuyên bị xâm chiếm bởi những quốc gia lớn hơn xung quanh. Vào cuối thế kỷ 12, Latvia được nhiều thương nhân Tây Âu ghé thăm do con sông dài nhất nước này, sông Daugava là một cửa ngõ quan trọng để sang nước Nga. Các nhà buôn và nhà truyền đạo Cơ đốc người Đức cũng nằm trong số này.

Nhưng người Baltic ngoại đạo vẫn chưa sẵn sàng theo tôn giáo mới nên họ đã nổi dậy chống lại. Giáo hoàng ở Roma đã quyết định gửi một đạo quân viễn chinh đến Latvia để gây ảnh hưởng tại vùng đất này. Sự xuất hiện của quân viễn chinh Đức đã chấm dứt sự phát triển của những bộ lạc Baltic tại Latvia.

Người Đức đã thành lập thành phố Riga vào năm 1201, và Riga đã dần dần phát triển thành đô thị rộng lớn và xinh đẹp nhất trên bờ nam biển Baltic. Vào thế kỷ 13, Liên bang Livonia bao gồm Estonia và Latvia đã phát triển mạnh mẽ dưới quyền lực của người Đức. Năm 1282, Riga rồi sau đó là Cēsis, Limbaži, Koknese và Valmiera đã nằm trong Liên minh Hanse.

Từ đó, Riga trở thành một địa điểm giao thương quan trọng giữa đông và tây, trở thành trung

tâm thương mại lớn ở phía đông Baltic và có những mối liên hệ văn hóa ngày càng gần gũi với Tây Âu.

Thời kỳ thuộc Ba Lan và Thụy Điển

Cuối thế kỉ 15, đầu thế kỉ 16, Liên bang Livonia bắt đầu suy tàn và tan rã. Sau cuộc chiến tranh Livonia (1558-1583), phần đất Latvia ngày nay bị đặt dưới sự cai trị của Ba Lan-Litva, trong đó có Riga. Vào thế kỉ 17, Lãnh địa Courtland, một phần của Livonia cũ đã đạt được sự phát triển kinh tế một cách nhanh chóng và thành lập hai thuộc địa, một ở hòn đảo của sông Gambia (châu Phi) và đảo Tobago ở biển Caribbean.

Sau cuộc chiến tranh Ba Lan - Thụy Điển (1600-1629), Riga lại nằm dưới sự cai trị của Thụy Điển và trở thành thành phố rộng lớn và phát triển nhất trong các thành phố của đất nước này. Trong khi đó thì thành phố Vidzeme lại được biết đến với cái tên giỗ bánh mì của Thụy Điển vì nơi này cung cấp phần lớn lượng lúa mì cho vương quốc. Phần còn lại của Latvia nằm trong Ba Lan cho đến năm 1793.

Đất nước Latvia trong thế kỉ 17 đã được củng cố vững chắc. Với sự hợp nhất của các dân tộc Couronians, Latgallians, Selonians, Semgallians và Livonians, một quốc gia với nền văn hóa thống nhất và ngôn ngữ chung đã được hình thành, với tên gọi Latvia.

Thời kỳ thuộc Nga

Năm 1700, cuộc Đại chiến Bắc Âu nổ ra và Latvia trở thành một bộ phận của Đế chế Nga. Sa hoàng đã nhanh chóng kiểm soát tất cả những thành phố giàu có của đất nước Latvia.

Giai cấp nông nô chính thức được giải phóng tại Courtland vào năm 1818 và Vidzeme vào năm 1819. Một bộ luật được thông qua vào năm 1849 là tiền đề công nhận sự sở hữu đất đai của nông dân. Công nghiệp phát triển mạnh mẽ đồng thời với việc dân số cũng tăng lên nhanh. Latvia trở thành một trong những vùng đất phát triển nhất của nước Nga.

Vào thế kỉ 19, Phong trào Vận động Dân tộc Latvia đầu tiên xuất hiện trong tầng lớp trí thức. Phong trào được lãnh đạo bởi nhóm Người Latvia trẻ từ thập niên 1850 đến 1880 với những cuộc vận động ngôn ngữ và văn hóa.

Tuy nhiên sự bản cùng hóa ở nông thôn vẫn tiếp tục diễn ra trong hoàn cảnh các đô thị ngày càng giàu có đã dẫn đến những cuộc vận động cánh tả vào khoảng những năm 1880, lãnh đạo bởi Rainis và Pēteris Stučka, mang màu sắc của chủ nghĩa Mác và dẫn đến sự thành lập Đảng Lao động Xã hội Dân chủ Latvia.

Latvia là một quốc gia có lịch sử lâu đời tại châu Âu. Từ thế kỷ 10-13 trên lãnh thổ Latvia hình thành các quốc gia phong kiến đầu tiên: Cốc-nét, Éc-xích, Ta-la-va. Thế kỷ 13-16, người Cơ đốc giáo xâm chiếm Latvia. Năm 1562 đế quốc Ba Lan và Thụy Điển phân chia lãnh thổ Latvia. Đầu thế kỷ 17 hình thành dân tộc Latvia. Năm 1795 Đế chế Nga xâm chiếm Latvia. Ngày 18/11/1918, nước Cộng hòa Latvia thức được thành lập. Tháng 6/1940 Liên Xô đưa quân vào Latvia. Nước CHXHCN Latvia được thành lập (21/7/1940) và gia nhập Liên Xô (05/8/1940). Ngày 21/8/1991 Latvia tuyên bố độc lập. Ngày 04/9/1991 Liên Xô công nhận độc lập của Cộng hòa Latvia.

8.Văn hoá

Văn học: Văn học Latvia có truyền thống nổi tiếng lâu đời về tính chất sáng tạo mới mẻ và tính độc đáo. Nền văn học Latvia thể hiện một quá trình thay đổi lớn qua sự phát triển của từng thời kỳ. Trước thế kỷ 19, một vài tác giả đã bắt đầu làm thơ và văn xuôi (quan trọng nhất là Gotthard Friedrich Stender). Nhưng văn học Latvia có thể được cho là đã thực sự chỉ bắt đầu vào thế kỷ XIX, với cuốn sách bài hát bằng Juris Alunans, nơi ông muốn cho thấy rằng tình cảm sâu sắc và cao quý cũng có thể được thể hiện bằng tiếng Latvia. Khối lượng thơ này đã được xuất bản vào năm 1856, cùng năm với Charles Baudelaire của Les Fleurs du Mal, điểm khởi đầu của châu Âu hiện đại trong thơ. Sử thi quốc gia, Lāčplēsis, xuất bản năm 1888 đã được viết bởi Andrejs Pumpurs.

Vào đầu thế kỷ 20, chủ yếu thông qua các kết nối nhiều người Đức và Nga, văn học Latvia có phân kỳ chuyển động của chủ nghĩa tượng trưng và chính trị - xã hội chủ nghĩa, chủ nghĩa Mác. Trong thời kỳ này, tác giả nổi bật là Rainis. Ông là một nhà thơ, nhà viết kịch, phiên dịch, và chính trị gia tại thời điểm chuyển giao thế kỷ; vở kịch cổ điển của ông "Fire và Night" (1905) và "Indulis và Ārija" (1911) đã có một ảnh hưởng sâu sắc đến các ngôn ngữ Latvia văn học, và các biểu tượng dân tộc.

Một số nhà văn, nhà thơ tiêu biểu: Aleksandrs Čaks (tên thật Čadarainis Vizma Belsevica, Imants Ziedonis, Ojārs Vācietis, Māris Čaklais, tiểu thuyết gia Regina Ezera, Alberts Bels, Klavs Elsbergs (con trai của Vizma Belsevica), Uldis Bērziņš, Amanda Aizpuriete, Peters Bruveris, Anna Auzina, Knuts Skujenieks, Māris Melgalvs, Mara Zalite, Sven Birkerts, nhà thơ Juris Kronbergs và Margita Gūtmane.

Các thế hệ nhà văn trẻ nhất của Latvia bao gồm Inga Abele, nhà thơ, nhà văn, nhà viết kịch, nhà thơ Edvīns Raups, Andris Akmentiņš, Pēteris Draguns, Eduards Aivars, Liana Langa, Anna Auziņa, Kārlis Vērdiņš, Marts Pujats và Inga Gaile, tác giả văn xuôi bao gồm Pauls Bankovskis Jānis Einfelds, Gundega Repše, Andra Neiburga, Laima Muktupāvela và Nora Ikstena .

Trung tâm Văn học của Latvia được thành lập vào năm 2002.

Ẩm thực: Ẩm thực Latvia thường bao gồm các sản phẩm nông nghiệp như khoai tây, lúa mạch, lúa mì, bắp cải, hành tây, trứng, thịt, cá (do Latvia có vị trí trên bờ biển phía đông Baltic). Thực phẩm Latvia nói chung là khá béo và có nhiều loại gia vị. Tuy nhiên món ăn của Latvia cũng bị ảnh hưởng bởi các láng giềng trong khu vực Baltic.

Các món ăn Latvia có rất nhiều loại bánh mì và các sản phẩm từ sữa, và là một phần quan trọng của ẩm thực Latvia. Thịt đỏ là món chính trong menu và thường được phục vụ kèm chả thịt, bánh mì chiên, hoặc các món hầm. Cá hun khói cũng là một món ăn đặc sản, đặc biệt là cá trích ngâm. Các món súp cũng rất ngon bao gồm các sản phẩm theo mùa nhất định trong năm như nấm, hoa quả, cây tầm ma.

Các món ăn đặc sản của Latvia:

- Kotletes (chả thịt).

- Zupa (súp) - thử súp củ cải hoặc súp me chua (Skābeņu zupa).
- Alexander Torte (bánh ngọt).
- Pīrāgi (bánh ngọt đầy với thịt xông khói và củ hành).
- Rupjmaize (bánh mì lúa mạch đen).
- Rasols (salad khoai tây với trứng, dưa chuột ri, thịt xông khói, xúc xích và các thành phần khác).
- Janu siers (pho mát với hạt thì là, theo truyền thống phục vụ tại Midsummer Eve).
- Karbonāde (bao bột thịt lợn).
- Dưa cải bắp.
- Kartupeļu pankūkas (bánh khoai tây).

Đồ uống có cồn phổ biến là bia, vodka và balzam. Ngoài ra nước ép từ trái cây tươi cũng rất phổ biến.

Âm nhạc: Âm nhạc truyền thống của Latvia thường được sáng tác với thơ ca truyền thống được gọi là dainas. Truyền thống văn hóa dân gian Latvia, đặc biệt là các vũ điệu về các bài hát dân gian đã được hồi phục lại sau hơn 1000 năm với 1,2 triệu bài và 30.000 giai điệu bài hát dân gian.

Dainas thường rất ngắn, chỉ có một hoặc hai khổ thơ. Về ca từ, dainas liên quan đến những thần thoại bản địa, thường xoay quanh các vị thần trước Kitô giáo như nữ thần mặt trời Saule, thần Meness và đáng chú ý nhất là ba sự kiện chào đời, đám cưới và cái chết. Các bộ sưu tập đầu tiên của dainas được công bố giữa năm 1894 và 1915 như Latvju Dainas bởi Krišjānis Barons.

Ngày nay, lĩnh vực âm nhạc bị chi phối bởi nhạc rock và pop (ví dụ, Prata Vetra, còn được gọi là Brainstorm).

Lễ hội: Latvia là đất nước có vẻ đẹp rạng rỡ. Người Latvia ăn mừng Giáng sinh và năm mới bằng cách trang hoàng trắng lệt. Hàng năm có hàng trăm lễ hội được tổ chức ở gần như tất cả các thị trấn ở Latvia. Lễ kỷ niệm, lễ hội, và những bữa tiệc bên đường phố là một phần trong cuộc sống của người Latvia. Có rất nhiều trò chơi và các hoạt động khác nhau trong ngày hội như âm thực, ném rượu, nhạc Jazz, bóng đá, tất cả đều là những phần không thể thiếu trong những lễ hội. Italia cũng là quốc gia tổ chức đăng cai một số những sự kiện quốc tế quan trọng như liên hoan phim, khiêu vũ và nghệ thuật.

Thể thao: Môn thể thao phổ biến ở Italia là bóng đá và khúc côn cầu trên băng, ngoài ra còn có các bộ môn khác như bóng rổ, điền kinh, bóng bầu dục, tennis, đua xe đạp... Các môn thể thao mùa đông cũng khá phổ biến và Latvia cũng tham gia nhiều vào các sự kiện thể vận hội quốc tế và Olympic.

Các thành phố của Latvia: Latvia có 9 thành phố là Daugavpils, Jēkabpils, Jelgava, Jūrmala, Liepāja, Rēzekne, Rīga, Valmiera, Ventspils và 67 thị trấn.

Theo luật Latvia thị trấn là khu định cư mà là trung tâm của nền văn hóa và thương mại với kỹ sư-cơ sở hạ tầng và đường lưới phát triển tốt, và có ít nhất 2.000 người dân; Tuy nhiên,

một khu định cư có thể được chỉ định là một thị trấn, mặc dù cư dân có thể ít hơn, nhưng đáp ứng tất cả các yêu cầu khác.

Để trở thành một thành phố, một thị trấn phải có ít nhất 25.000 người dân, ngoài ra phải phát triển thương mại, giao thông, công trình công cộng, cơ sở hạ tầng xã hội và là trung tâm quan trọng của văn hóa, tuy nhiên các yêu cầu này có thể được bỏ qua nếu có số lượng dân số đủ.

9. Giáo dục

Tổng thời gian của giáo dục phổ thông ở Latvia là 12 năm, bao gồm 9 năm cơ bản và 3 năm trung học phổ thông.

Giáo dục cơ bản Chín năm (pamatizglītība) là bắt buộc. Giáo dục cơ bản bắt đầu từ năm 7 tuổi, bao gồm 4 năm giáo dục tiểu học (sākumskola) và 5 năm tại trường trung học cơ sở (pamatskola). Sinh viên tốt nghiệp được cấp chứng chỉ học cơ bản chín năm (atestāts pamatizglītību).

Giáo dục trung học phổ thông 3 năm nhằm mục đích chủ yếu là để chuẩn bị cho việc học đại học, giáo dục trung học dạy nghề, nhằm mục đích chủ yếu là cung cấp cho thị trường lao động. Các tổ chức giáo dục đại học cung cấp các chương trình học thuật cấp cử nhân và thạc sĩ, cũng như các chương trình giáo dục đại học chuyên nghiệp.

Luật Giáo dục (1991) là một trong những luật đầu tiên được thông qua khi có sự phục hồi của nền độc lập. Nó đưa ra một số thay đổi đáng kể và giáo dục định hướng Latvia theo hướng nhiều hệ thống giáo dục hiện nay đang phát triển ở châu Âu và xa hơn nữa.

Các trường đại học hoàn toàn bao gồm một hoặc một số lĩnh vực quan trọng và được quyền trao các độ lên đến cấp tiến sĩ theo quyết định của Hội đồng Latvia.

Đại học Latvia;

Đại học Kỹ thuật Riga;

Đại học Nông nghiệp Latvia;

Học viện Y Latvia;

Đại học Sư phạm Daugavpils;

Tất cả các tổ chức khác của giáo dục đại học:

Học viện Âm nhạc Latvian;

Học viện Nghệ thuật Latvian;

Học viện Văn hóa Latvia;

Trường Đại học Sư phạm Liepāja,

Học viện Giáo dục Thể Thao Latvia

Học viện Cảnh Sát của Latvia

Học viện Hàng hải Latvia...

10. Ngày nghỉ lễ tết

Ngày 01 tháng 1: Năm mới

Ngày 02 tháng 1: Năm mới

Ngày 03 tháng 4: Good Friday

Ngày 06 tháng 4: Thứ hai sau ngày Chúa nhật phục sinh

Ngày 01 tháng 5: Quốc tế lao động

Ngày 04 tháng 5: Ngày độc lập

Ngày 10 tháng 5: Ngày của mẹ

Ngày 23 -24 tháng 6: Ngày sinh của Thánh John (Midsummer Eve)

Ngày 13 tháng 9: Ngày của Cha

Ngày 18 tháng 11: Ngày Quốc khánh Latvia

Ngày 24 tháng 12: Đêm Giáng sinh

Ngày 25 tháng 12: Ngày Giáng sinh

Ngày 26 tháng 12: Ngày thứ hai của Lễ giáng sinh

Ngày 31 tháng 12: Mừng năm mới

II. Tình hình phát triển kinh tế thương mại và đầu tư

1. Kinh tế

Latvia có nền kinh tế mở. Xuất khẩu đóng vai trò đáng kể vào GDP. Do vị trí địa lý, lĩnh vực dịch vụ chiếm phần lớn trong hoạt động kinh tế. Dịch vụ vận chuyển hàng quá cảnh được đánh giá phát triển cao. Ngành khai thác gỗ và chế biến gỗ, nông nghiệp và chế biến thực phẩm, và sản xuất các thiết bị máy móc và điện tử phát triển mạnh.

Kinh tế Latvia có tăng trưởng GDP trên 10%/năm trong thời gian 2006-2007, nhưng từ năm 2008 bước vào một cuộc suy thoái nghiêm trọng: thâm hụt ngân sách, nợ công lớn. GDP giảm 18% trong năm 2009. Nhờ thực hiện chính sách tăng trưởng xuất khẩu mạnh, nền kinh tế bắt đầu tăng trưởng: GDP hàng quý năm 2010 tăng 2,9%. IMF, EU, và các nhà tài trợ quốc tế khác có Thỏa thuận hỗ trợ tài chính để Latvia gia nhập Eurozone. Thỏa thuận này kêu gọi giảm thâm hụt tài chính của Latvia xuống dưới 3% GDP vào năm 2012 để đáp ứng tiêu chuẩn gia nhập Eurozone. Chính phủ ban hành cắt giảm chi tiêu lớn nhằm giảm thâm hụt ngân sách tối đa 8,5% GDP năm 2010. Latvia đã thông qua ngân sách năm 2011 với mức thâm hụt dự kiến 5,4% GDP. Đa số các công ty, ngân hàng và bất động sản đã được tư nhân hóa, mặc dù nhà nước vẫn nắm giữ cổ phần khá lớn trong một vài doanh nghiệp lớn.

Năm 2014 tỷ lệ tăng trưởng thực tế ở Latvia là 2,7%. Trong đó ngành nông nghiệp đóng góp 4,8%; ngành công nghiệp đóng góp 24,8% và ngành dịch vụ đóng góp 70,4% vào tăng trưởng của nền kinh tế. Tốc độ tăng trưởng sản xuất công nghiệp năm 2014 là 1,5%.

Thế mạnh của Latvia là nông nghiệp, công nghiệp nhẹ, hàng tiêu dùng, điện tử, bưu điện, thiết bị giao thông vận tải, du lịch... Các sản phẩm nông nghiệp bao gồm: ngũ cốc, dầu hạt cải, khoai tây, rau, thịt lợn, gia cầm, sữa, trứng, cá.

2. Thương mại

Xuất khẩu năm 2014 của Latvia đạt 13,576 tỷ USD, trong đó, mặt hàng xuất khẩu chính là: Thực phẩm, gỗ và sản phẩm gỗ, kim loại, máy móc, thiết bị, hàng dệt may.

Đối tác xuất khẩu chính: Lithuania 16,1%, Nga 16,1%, Estonia 12%, Đức 7%, Ba Lan 6,7%, Thụy Điển 4,8% (năm 2013).

Nhập khẩu của Latvia năm 2014 đạt 16,716 tỷ USD. Trong đó, mặt hàng nhập khẩu chính là: máy móc thiết bị, hàng tiêu dùng, hóa chất, nhiên liệu, xe.

Đối tác nhập khẩu chính: Lithuania 19,3%, Đức 11,3%, Ba Lan 9,4%, 8,3% Estonia, Nga 8%, Phần Lan 4,5%, Ý 4% (2013).

Kim ngạch thương mại của Latvia giai đoạn 2010 – 2014

Đvt: Tỷ USD

Năm	Nhập khẩu	Xuất khẩu
2010	11,143	8,850
2011	15,430	11,988
2012	16,082	12,685
2013	16,778	13,324
2014	16,716	13,576

Nguồn: Trademap 2015

3. Cơ sở hạ tầng kinh tế

Truyền thông - thông tin (2012)

Thuê bao điện thoại: 501.000

Điện thoại - điện thoại di động di động: 2.310.000

Mã quốc gia: - 371

Phương tiện truyền thông: Một số đài truyền hình thương mại quốc gia và khu vực đang thuộc sở hữu nước ngoài, 2 đài truyền hình quốc gia; và có một số đài truyền hình khu vực và địa phương thuộc sở hữu tư nhân; dịch vụ truyền hình cáp và truyền hình vệ tinh đa kênh với chương trình phát sóng trong nước và nước ngoài có sẵn; đài truyền hình công khai sở hữu hoạt động 4 mạng vô tuyến với hàng chục trạm trong cả nước; hàng chục đài truyền hình tư nhân cũng vận hành các trạm radio.

Trạm phát sóng radio: 8 AM, FM 62

Các đài truyền hình phát sóng: 37 (cộng với 31 bộ lặp)

Internet mã quốc gia: .lv

Các máy chủ Internet: 359.604

Người sử dụng Internet: 1.504.000

Sân bay: 42 (2013)

Sân bay có đường băng trải nhựa: 18

Hơn 3.047 m: 1

Từ 2438 đến 3047 m: 3

Từ 1.524 đến 2.437 m: 4

Từ 914 đến 1.523 m: 3

Dưới 914 m: 7 (2013)

Sân bay - có đường băng trải nhựa: 24
Dưới 914 m: 24 (2013)

Sân bay trực thăng: 1

Đường ống: khí 928 km; sản phẩm tinh chế 415 km

Đường sắt:

Khở rộng: 2,206 km 1,520-m gauge

Khở hẹp: 33 km 0,750-m gauge (2008)

Đường bộ: 72.440 km

Đường thủy: 300 km (Tàu buôn: tàu chở hàng 3, tàu chở hóa chất 1, tàu chở hành khách / hàng hóa 4, tàu chở xăng dầu 2)

Cảng biển lớn: Riga, Ventspils

4. Các chỉ số kinh tế, thương mại, đầu tư cơ bản

(Nguồn: *CIA Factbook*)

GDP (sức mua tương đương): 48,59 tỷ USD

GDP (tỷ giá hối đoái chính thức): 32,82 tỷ USD

GDP - tỷ lệ tăng trưởng thực tế: 2,7%

GDP - bình quân đầu người (PPP): 23.900 USD

Tổng tiết kiệm quốc gia: 22,4% GDP

Đóng góp vào GDP của các ngành kinh tế:

- Nông nghiệp: 4,8%
- Ngành công nghiệp: 24,8%
- Dịch vụ: 70,4%

Sản phẩm nông nghiệp chính: Ngũ cốc, hạt cải dầu, khoai tây, rau; thịt lợn, gia cầm, sữa, trứng; cá

Các ngành công nghiệp chính: Thực phẩm chế biến, các sản phẩm chế biến gỗ, dệt may, chế biến kim loại, dược phẩm, toa xe lửa, sợi tổng hợp, điện tử

Tốc độ tăng trưởng sản xuất công nghiệp: 1,5%

Lực lượng lao động: 1.014.000 người

Tỷ lệ thất nghiệp: 9,5%

Phân phối thu nhập gia đình - chỉ số Gini: 35,2

Ngân sách nhà nước:

- Doanh thu: 11,96 tỷ USD

- Chi phí: 11,97 tỷ USD

Thuế và các khoản thu khác: 36,4% GDP

Nợ công: 36,5% GDP

Tỷ lệ lạm phát: 0,7%

Dự trữ ngoại hối và vàng: 7,507 tỷ USD

Nợ - đối ngoại: 38,54 tỷ USD

Đầu tư trực tiếp của nước ngoài - tại Latvia: 17,920 tỷ USD (ngày 31 tháng 12 năm 2014)

Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài: 2,731 tỷ USD (ngày 31 tháng 12 năm 2014)

5. Quan hệ quốc tế

- Latvia ưu tiên quan hệ với Hoa Kỳ và các nước Tây Âu, gia nhập NATO (2/4/04) và EU (1/5/04), trở thành thành viên Hiệp ước Schengen (21/12/2007). Latvia là thành viên của Hội đồng châu Âu, là thành viên của WTO (từ 2/1999).

- Latvia chú trọng củng cố khối cộng đồng các nước Ban-tíc về mọi mặt. Với Nga, sau khi Latvia tuyên bố độc lập, Nga đã cho Latvia hưởng chế độ ưu đãi về thương mại và cung cấp nhiên liệu khí đốt theo yêu cầu của Latvia. Ngày 28/6/1996 Nga đã ký với Latvia Hiệp định về biên giới biển. Để tranh thủ mối quan hệ giữa Hoa Kỳ và Tây Âu, Latvia đã từng bước hạn chế quan hệ với Nga. Từ năm 1999, quan hệ Latvia - Nga có chiều phức tạp hơn, thậm chí có lúc Latvia tuyên bố coi Nga là mối đe dọa đối với an ninh của Latvia. Latvia đã thông qua nhiều đạo luật hạn chế quyền lợi của người Nga sống ở Latvia. Tình hình quan hệ giữa Latvia và Nga dưới thời chính phủ Thủ tướng Kan-vi-ti-xơ đã có những dấu hiệu được cải thiện, sự căng thẳng giữa hai nước được giảm bớt. Ngày 18/12/2007, trong chuyến thăm Latvia của Bộ trưởng Ngoại giao Nga, hai bên đã ký Hiệp định biên giới giữa hai nước. Gần đây, Latvia cũng bắt đầu quan tâm đến khu vực châu Á - Thái Bình Dương, Đông Nam Á.

- Latvia là thành viên của các tổ chức khu vực và quốc tế: EU, FAO, IAEA, ICAO, IMF, IMO, Interpol, IOM, NATO, OSCE, PCA, Công ước Schengen, UN, UNCTAD, UNESCO, WHO, WTO...

III. Quan hệ hợp tác với Việt Nam

1. Quan hệ ngoại giao

Tình hình quan hệ chính trị: Trong khuôn khổ quan hệ với Liên Xô cũ, Việt Nam và Latvia đã có quan hệ hữu nghị hợp tác tốt. Latvia giúp Việt Nam đào tạo cán bộ, sinh viên, nhận lao động Việt Nam sang làm việc, có quan hệ kết nghĩa, hợp tác trực tiếp với một số địa phương và cơ sở sản xuất của Việt Nam. (Thủ đô Ri-ga dưới thời Liên Xô cũ đã nhiều năm kết nghĩa với tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng).

- Ngày 12/02/1992 tại Mát-xcơ-va, hai Bên đã ký Nghị định thư về việc thiết lập quan hệ ngoại giao. Đại sứ ta tại Liên bang Nga kiêm nhiệm Latvia, Đại sứ Latvia tại Bắc Kinh kiêm nhiệm Việt Nam.

- Đoàn vào Bộ trưởng Ngoại giao Latvia thăm Việt Nam (28/10, 2/11/1996). Hai bên đã ký Hiệp định hợp tác văn hoá - khoa học.

- Thủ tướng Latvia sang Hội nghị ASEM-5 (5/2004) tại Hà Nội, gặp Thủ tướng Phan Văn Khải.

- Cơ chế tham vấn chính trị: Trong chuyến thăm Việt Nam (1996) của Bộ trưởng Ngoại giao Latvia, hai bên đã ký Nghị định thư về tham khảo chính trị giữa hai Bộ Ngoại giao. Đến nay Việt Nam đã tiến hành tham khảo cấp Vụ trưởng tại Latvia (7/2011).

- Tình hình phối hợp hai bên trên các diễn đàn khu vực và quốc tế: Hai bên duy trì các cuộc tiếp xúc song phương ở các cấp bên lề các Hội nghị quốc tế.

Cộng đồng người Việt Nam ở Latvia chỉ có khoảng 100 người, chủ yếu là những người sang học tập, lao động rồi ở lại lấy vợ người địa phương. Cộng đồng ta chưa có Hội đoàn và luôn hướng về Tổ quốc.

Các hiệp định ký giữa hai nước:

Tháng 11/1995, Phó Thủ tướng Nguyễn Khánh thăm Latvia, ký Hiệp định hợp tác kinh tế - thương mại và Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư. Trong chuyến thăm Việt Nam (28/10 đến 2/11/1996) của Bộ trưởng Ngoại giao Latvia, hai bên đã ký Hiệp định hợp tác văn hoá - khoa học. Ngày 7/11/03 Latvia đề nghị chấm dứt trước thời hạn hiệu lực Hiệp định hợp tác kinh tế - thương mại giữa hai nước (do Bản gia nhập EU (1/5/04). Hai nước đã hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực Hiệp định hợp tác kinh tế - thương mại từ ngày 1/5/2004.

2. Quan hệ hợp tác kinh tế - thương mại

Quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Latvia còn khiêm tốn, chủ yếu là tiểu ngạch. Kim ngạch thương mại hai chiều năm 2014 đạt 139,32 triệu USD tăng 32,38% so với năm 2013. Trong đó kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Latvia năm 2014 đạt 136,98 triệu USD và kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ Latvia năm 2014 đạt 2,34 triệu USD.

Các mặt hàng chính Việt Nam xuất sang Latvia: Hải sản, hạt điều, cà phê, hạt tiêu, sản phẩm chất dẻo, sản phẩm mây tre đan, gỗ và sản phẩm gỗ, hàng dệt may, giày dép các loại.

Việt Nam chủ yếu nhập các sản phẩm: Cao su, gỗ và sản phẩm gỗ, bông, vải các loại, nguyên phụ liệu dệt, may, da, máy móc, thiết bị, dược phẩm.

Kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam-Latvia giai đoạn 2011 – 4T/2015

Đvt: USD

Năm	2011	2012	2013	2014	4T/2015
Việt Nam XK	40.636.705	72.513.943	102.287.417	136.981.199	46.840.479
Việt Nam NK	6.336.101	6.582.223	2.957.571	2.348.315	1.018.639

Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam

Các mặt hàng chủ yếu Việt Nam xuất khẩu sang Latvia

Đvt: Nghìn USD

STT	Mặt hàng chủ yếu	ĐVT	Trị giá (USD)	
			Năm 2012	Năm 2013
1	Cá, động vật giáp xác, động vật thân mềm, động vật thủy sinh	USD	1706	2026
2	Trái cây, quả hạch, cam quýt, dưa hấu	USD	2666	4910
3	Cà phê, chè, chè Paragoay và các loại gia vị	USD	5794	5798
4	Ngũ cốc	USD	644	-
5	Thịt, cá và các thực phẩm thủy sản chế biến	USD	-	435
6	Rau, trái cây, hạt, các loại thực phẩm chế biến	USD	195	407
7	Các chế phẩm ăn được khác	USD	71	54
8	Quặng, xỉ và tro	USD	77	-
9	Hoá chất vô cơ, hợp chất kim loại quý, các đồng vị	USD	22	11
10	Hoá chất hữu cơ	USD	-	-
11	Dược phẩm	USD	143	237
12	Các sản phẩm hóa chất khác	USD	95	68
13	Nhựa và các sản phẩm	USD	2339	2386
14	Cao su và các sản phẩm	USD	965	-
15	Các sản phẩm từ da, ruột động vật, quà tặng du lịch	USD	347	1002
16	Gỗ và các mặt hàng bằng gỗ, than từ gỗ	USD	3	82

17	Sản xuất vật liệu tết bện...	USD	163	209
18	Bông	USD	256	304
19	Sợi nhân tạo	USD	469	316
20	Hàng may mặc, phụ kiện, dệt hoặc móc	USD	161	116
21	Hàng may mặc, phụ kiện, không dệt hoặc móc	USD	760	498
22	Giày, dép, ủng và các loại tương tự, các bộ phận	USD	1193	807
23	Mũ	USD	36	5
24	Đá, thạch cao, xi măng, amiăng, mica	USD	-	24
25	Sản phẩm gốm sứ	USD	75	28
26	Ngọc trai, đá quý, kim loại, tiền xu...	USD	100	230
27	Sản phẩm bằng sắt hoặc thép	USD	82	300
28	Dụng cụ, dao kéo... làm bằng kim loại	USD	-	50
29	Các dụng cụ bằng hỗn hợp kim loại	USD	32	20
30	Máy móc, nồi hơi...	USD	2571	6170
31	Điện, thiết bị điện tử	USD	50909	74902
32	Máy bay, tàu vũ trụ, và bộ phận của chúng	USD	11	27
33	Nội thất, đèn, nhà xưởng	USD	381	701
34	Đồ chơi, trò chơi, dụng cụ thể thao	USD	246	121

Nguồn: Trademap - ITC

IV. Một số điều cần biết khi kinh doanh với thị trường Latvia

1. Các quy định về xuất nhập khẩu

Môi trường kinh doanh ở Latvia nói chung là thân thiện với các công ty nước ngoài. Không có kiểm soát nhập khẩu, xuất khẩu, hoặc việc sử dụng và chuyển đổi ngoại tệ. Chính phủ Latvia đã thông qua pháp luật hiện đại thiết lập quyền sở hữu trí tuệ, bằng sáng chế và nhãn hiệu hàng hoá và các phương tiện để thực thi bảo vệ quyền lợi của họ. Tiếng Anh là ngôn ngữ Tây Âu được lựa chọn trong chính phủ và doanh nghiệp. Môi trường kinh doanh của Latvia được đánh giá là tốt nhất trong các nước ở Trung và Đông Âu. Hệ thống pháp luật, cơ cấu thuế, thương mại và các quy định khác đã được sửa đổi để hài hoà với tiêu chuẩn của EU. Hầu hết các chỉ thị của EU đã được tích hợp vào hệ thống pháp luật của Latvia. Latvia gia nhập EU và NATO vào năm 2004.

1.1 Chứng từ nhập khẩu

Chứng từ nhập khẩu tại Latvia được quy định theo luật pháp của Liên minh Châu Âu. Dưới đây là thông tin về một số chứng từ thương mại để giúp doanh nghiệp nắm rõ hơn về quá trình giao và nhận hàng.

+ Hoá đơn thương mại:

- Tổng giá trị hóa đơn và tiền thanh toán: Số lượng tương đương phải được thể hiện bằng đồng tiền tự do chuyển đổi ra Euro hoặc hợp pháp khác tại Latvia.
- Các điều khoản thanh toán (phương pháp và thời điểm thanh toán, giảm giá...)
- Các điều kiện giao hàng theo Incoterm thích hợp
- Phương tiện vận tải

Hóa đơn thương mại phải được chuẩn bị bởi nhà xuất khẩu theo thông lệ kinh doanh tiêu chuẩn và phải được nộp bản gốc cùng với ít nhất một bản sao. Nói chung, không yêu cầu các hóa đơn được ký kết nhưng trong thực tế, cả hai bản gốc và bản sao hóa đơn thương mại thường được ký. Hóa đơn thương mại có thể được chuẩn bị bằng bất kỳ ngôn ngữ nào. Tuy nhiên, nên có một bản dịch hóa đơn thương mại sang tiếng Anh.

+ **Tờ khai giá trị hải quan:** Tờ khai giá trị hải quan phải được xuất trình cho cơ quan hải quan nếu giá trị của hàng hoá nhập khẩu vượt quá 10,000 €. Tờ khai giá trị hải quan phải được lập phù hợp với mẫu DV1. Mẫu này phải được trình bày cùng với các tài liệu hành chính riêng biệt (SAD). Mục đích chính của yêu cầu này là đánh giá giá trị của các giao dịch để xác định giá trị hải quan (giá trị tính thuế).

- Giá trị hải quan tương ứng với giá trị của hàng hoá bao gồm tất cả các chi phí phát sinh (ví dụ: giá thương mại, vận tải, bảo hiểm) cho đến điểm đến đầu tiên trong Liên minh châu Âu. Phương pháp thông thường để thiết lập giá trị hải quan là sử dụng giá trị giao dịch (giá trả hoặc phải trả cho các hàng hóa nhập khẩu).

- Trong một số trường hợp giá trị giao dịch của hàng hoá nhập khẩu có thể bị điều chỉnh, trong đó có việc bổ sung hay các khoản khấu trừ.

+ **Tài liệu vận chuyển:** Tùy thuộc vào phương tiện vận tải sử dụng, các tài liệu sau đây phải được điền đầy đủ và trình bày với cơ quan hải quan của các nước thành viên của EU bao gồm: Vận đơn (B/L), Vận đơn đường bộ (CMR), Vận đơn hàng không (AWB), Vận đơn đường sắt (CIM), ATA Carnet, TIR Carnet.

+ **Bảng kê hàng hóa (P/L):** là bảng kê các hàng hóa đầu vào cần thiết cho thủ tục hải quan và kèm theo hoá đơn thương mại và các chứng từ vận tải. Bảng kê hàng hóa thường bao gồm các thông tin:

- Nhà xuất khẩu, nhà nhập khẩu và các công ty vận tải
- Ngày phát hành
- Số hóa đơn vận chuyển hàng hóa
- Loại bao bì (trống, thùng, thùng carton, hộp, thùng, túi xách...)
- Số gói
- Nội dung của từng gói (mô tả hàng hóa và số lượng các mặt hàng cho mỗi gói)
- Mã hiệu và số
- Trọng lượng tịnh, trọng lượng và đo lường của các gói.

+ **Tài liệu hành chính riêng biệt (SAD):** Tất cả hàng hóa nhập khẩu vào Latvia phải được khai báo với cơ quan hải quan của Latvia bằng cách sử dụng tài liệu hành chính riêng biệt (SAD), được quy định tại Luật Hải quan. Tờ khai phải được lập bằng một trong những ngôn ngữ chính thức của EU, được chấp nhận bởi cơ quan hải của Latvia là nơi các thủ tục được thực hiện.

+ **FCA - Giao cho người vận tải:** Thuật ngữ này có thể được sử dụng cho bất kỳ phương thức vận tải, bao gồm cả vận tải đa phương. “Nhà vận chuyển” có nghĩa là bất kỳ người nào, trong một hợp đồng vận chuyển, cam kết thực hiện hoặc đem lại hiệu quả hoạt động vận chuyển bằng đường sắt, đường bộ, đường biển, hàng không, đường thủy nội địa hoặc kết hợp các phương thức như vậy. Nếu người mua chỉ thị cho người bán giao hàng cho một người, ví dụ như một công ty vận tải mà không phải là một “nhà vận chuyển”, người bán được coi là đã hoàn thành nghĩa vụ của mình cung cấp hàng hóa họ đang có trong sự giám hộ của người đó.

1.2 Các mặt hàng cấm nhập khẩu

EU (trong đó có Latvia) cấm nhập khẩu các sản phẩm sau: bia sản xuất từ chất hoạt hóa, gelatin, gia cầm được xử lý bằng các chất chống vi khuẩn, các sản phẩm thịt có nguy cơ gây rủi ro.

1.3 Các mặt hàng hạn chế nhập khẩu

Những mặt hàng sau đây bị hạn chế nhập khẩu (tức là khi nhập khẩu cần phải có giấy phép) vào EU (trong đó có Latvia):

- Động vật, chim hoặc các loại động vật sống khác;

- Thịt sống hoặc xác động vật;
- Ong và mật ong;
- Chim;
- Trứng, chim chóc và các loại tương tự;
- Phôi, động vật, chim chóc..;
- Cá và các sản phẩm từ cá;
- Côn trùng;
- Một số sản phẩm quy định trong Hiệp định thương mại quốc tế về một số loại động thực vật quý hiếm (CITIES) ví dụ như: ngà voi, đồi mồi, san hô, da bò sát, gỗ từ rừng Amazon được bảo vệ....
- Động vật thân mềm;
- Trứng (Ova) động vật;
- Thực vật, thực vật sống, hoặc bị chặt, bao gồm cả hạt của cây;
- Gia cầm;
- Sản phẩm từ cá voi...
- Vũ khí và đạn dược
- Thiết bị quân sự
- Vật liệu gây nguy hại
- Nguyên liệu sản xuất vũ khí sinh học
- Sản phẩm tác động đến tâm thần
- Sản phẩm nguyên tử
- Quặng uranium

2. Chính sách thuế và thuế suất

2.1 Thuế nhập khẩu

Do là thành viên của EU nên Latvia đã thông qua việc thực hiện các chính sách và biện pháp ngoại thương chung của Liên minh. Do vậy, thuế suất thuế nhập khẩu của nước này là ngang với các mức thuế suất của EU và thường thấp hơn so với mức thuế suất trước đây của Hungary khi nước này chưa gia nhập Liên minh.

Thuế nhập khẩu áp dụng đối với tất cả hàng hóa nhập khẩu vào Latvia, được tính theo giá hàng (là giá CIF) và hài hòa với các công ước của GATT. Mức thuế suất thuế nhập khẩu là khác nhau với từng nhóm sản phẩm và dịch vụ khác nhau và tùy theo nước xuất xứ của hàng hóa / dịch vụ.

Thuế suất hải quan theo quy định của Quy chế Hội đồng (EEC) số 2658/87 của EU về thuế và danh mục thống kê và về Biểu thuế Hải quan chung.

Đối tượng đánh thuế:

Đối tượng đánh thuế là các đối tượng nhập khẩu hoặc xuất khẩu sang nước thứ ba (Không phải là thành viên của EU).

2.2 Thuế giá trị gia tăng

VAT là loại thuế kinh doanh áp dụng đối với tất cả các giai đoạn sản xuất của một mặt hàng, bao gồm cả các giao dịch xuất nhập khẩu. Mức thuế suất thuế VAT được xác định bởi từng nước thành viên trong EU. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013, Luật thuế giá trị gia tăng mới có hiệu lực. Mức thuế suất của Latvia là 21%. Mức thuế suất thuế VAT được tính giảm còn 12% đối với một số sản phẩm nhất định như các mặt hàng thuốc, các mặt hàng y tế và thiết bị dành cho người khuyết tật, các sản phẩm cho trẻ sơ sinh, các sản phẩm thông tin đại chúng, dịch vụ vận tải công cộng (trừ taxi), dịch vụ khách sạn, sách... Đối với hàng nhập khẩu, VAT được tính trên giá CIF + trị giá thuế nhập khẩu đã thanh toán của hàng hóa.

2.3 Thuế thu nhập

Thuế suất đối với thu nhập của một cá nhân cư trú là 23%. Thu nhập từ vốn, cổ tức nhận được từ các công ty thường trú EU / EEA là đối tượng chịu thuế như sau: tỷ lệ 15% áp dụng đối với lợi vốn (ví dụ như lãi từ việc bán cổ phiếu hoặc cổ phiếu) và một tỷ lệ 10% với các loại thu nhập từ vốn (cổ tức, chứng khoán và thu nhập lãi).

Thuế suất với thu nhập của doanh nghiệp là 15%.

3. Quy định về bao gói, nhãn mác

Thông tin trên bao gói nhãn mác bắt buộc phải có tiếng Latvia. Ngoài ra các quy định khác về bao gói, nhãn mác như quy định của Liên minh EU. EU quy định yêu cầu về bao gói trong Chỉ thị 94/62/EC và các chỉ thị sửa đổi: ban hành cho tất cả loại bao gói vào thị trường EU và tất cả chất thải bao bì. Theo Phụ lục I theo quy định 94/62/EC minh họa mẫu về bao gói: “Bao gói nghĩa là tất cả các sản phẩm được làm từ bất cứ chất liệu nào sử dụng để chứa đựng, bảo vệ, quá trình đóng gói, phân phối và trưng bày sản phẩm, từ chất liệu thô đến mặt hàng đã chế biến, từ nhà sản xuất đến người sử dụng hoặc tiêu dùng. Các bao bì không thể thu hồi lại sẽ sử dụng với mục đích với mục đích tương tự như là đóng gói.”

Theo luật định này, những túi lọc trà và các lớp sấp bao bọc pho mát, được gọi là “các nguyên liệu tiếp xúc với thức ăn”, được coi là phi nguyên liệu đóng gói, trong khi đó các lớp phim bao bọc xung quanh một hộp CD, giấy hoặc các túi chứa plastic, hoặc các nhãn hàng hóa được dán trực tiếp hoặc đính kèm sản phẩm được coi là bao bì đóng gói.

Để xác định vật liệu thích hợp cho đóng gói cần các thông tin sau:

Trọng lượng của sản phẩm

Kích cỡ của sản phẩm

Số lượng sản phẩm được gói trong một carton

Tình trạng sức khỏe

Mùi

Khả năng xếp chồng

Hình dáng bên ngoài

Tiện lợi trong xử lý.

Các quy định đưa ra một số yêu cầu cần thiết liên quan đến tất cả các bao bì được tiêu thụ trên thị trường EU cũng như yêu cầu ghi nhãn và chứng nhận (chất liệu ghi nhãn).

Quy định về dán nhãn thực phẩm

Quy định 2000/13/EC của Luật EU quy định chung về dán nhãn cho tất cả các mặt hàng thực phẩm, cụ thể như sau: 1

Yêu cầu chung về ghi nhãn thực phẩm

- (1) Tên của sản phẩm
- (2) Danh mục thành phần
- (3) Số lượng của thành phần hoặc loại của thành phần
- (4) Khối lượng tịnh
- (5) Hạn sử dụng
- (6) Điều kiện bảo quản đặc biệt hoặc điều kiện sử dụng: khi thích hợp (ví dụ như đối với một số sản phẩm dễ hỏng lưu trữ tối đa là 4°C).
- (7) Tên và địa chỉ của nhà sản xuất hoặc đóng gói hoặc người mua / bán lẻ Châu Âu: trong trường hợp người tiêu dùng Châu Âu có thể tìm kiếm thêm thông tin hoặc gửi đơn khiếu nại.
- (8) Nơi xuất xứ hoặc xuất xứ của sản phẩm: trong trường hợp thiếu thông tin như vậy có thể gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng EU.
- (9) Hướng dẫn sử dụng: trong trường hợp không thể sử dụng sản phẩm thực phẩm đúng cách nếu không có hướng dẫn.
- (10) Chỉ báo nồng độ cồn: đối với đồ uống có chứa hơn 1,2% cồn.

Cơ quan có thẩm quyền tại Latvia:

Latvijas Republikas Ekonomikas Ministrija

Bộ Kinh tế của nước Cộng hòa Latvia

Riga, Latvia

Tel: +371 67013079

Email: pasts@em.gov.lv

Thông tin chi tiết về dán nhãn thực phẩm tại website:

<http://www.cbi.eu/marketintel/EU-legislation-Food-labelling/160059>

4. Quy định về kiểm dịch động thực vật

Việc kiểm tra, kiểm dịch động thực vật được tiến hành trước hết ở các giấy tờ liên quan đến lô hàng xuất khẩu: 100% giấy tờ này sẽ được kiểm tra ngay tại cửa khẩu. Sau đó, 100% sản phẩm sẽ được kiểm tra thực tế. Giai đoạn cuối cùng là kiểm tra vật lý, tức là kiểm tra về mẫu và lượng thuốc tồn dư trên sản phẩm có nguồn gốc từ động, thực vật. Kiểm tra này với mức từ 20-50% lô hàng.

Sản phẩm từ động vật để được nhập vào Latvia phải trải qua các giai đoạn kiểm tra và kiểm dịch hết sức nghiêm ngặt. Nếu bị phát hiện không an toàn về vệ sinh thực phẩm sẽ bị tiêu hủy ngay tại cửa khẩu. Ngoài những quy định chung như trong kiểm dịch thực vật, Latvia còn đặt ra một số tiêu chuẩn bổ sung.

Về thủy hải sản: Latvia không nhập những sản phẩm thủy hải sản nhập khẩu bị nhiễm độc do tác động của môi trường hoặc do chất phụ gia không được phép sử dụng. Đối với sản phẩm thủy hải sản đã qua chế biến, họ chỉ dùng những sản phẩm đóng gói có ghi rõ họ tên sản phẩm, nơi sản xuất, các điều kiện bảo quản và cách sử dụng, mã số và mã vạch. Người tiêu dùng tẩy chay các loại thủy hải sản nhập khẩu có chứa chất khuẩn Salmonella, độc tố Lustamine, nhiễm V.Parahaemoliticus, nhiễm V.Cholerae.

Các thực phẩm ướp lạnh cần phải chú ý đến một số quy định phi luật định như: Nguyên vật liệu được sử dụng sản xuất thực phẩm ăn nhanh đông lạnh phải có chất lượng, tốt nhất nên có giấy chứng nhận về độ tươi của nguyên liệu; về quy trình sản xuất; thời gian chuẩn bị và ướp lạnh sản phẩm phải được tiến hành nhanh chóng với những thiết bị thích hợp, nhằm mục đích ngăn chặn quá trình biến đổi sinh hóa, vi trùng ở mức thấp nhất; nhiệt độ thích hợp để bảo quản thực phẩm ướp lạnh nhanh phải luôn ổn định trong mọi thời điểm ở mức 180C hoặc thấp hơn. Trong quá trình vận chuyển, nhiệt độ có thể dao động nhưng không được vượt quá 30C.

5. Văn hóa kinh doanh

Gặp gỡ và chúc mừng

Ban đầu khi gặp gỡ với đối tác tại Latvia thường bắt tay, sau đó trao đổi danh thiếp.

Trang phục

Đàn ông nên mặc comple tối màu trong khi phụ nữ nên mặc váy hoặc trang phục kín đáo.

Giao tiếp

Khi việc kinh doanh tại Latvia bạn sẽ nhận thấy rằng, người Latvia không tỏ ra hào hứng trong cuộc họp đầu tiên. Họ khá dè dặt và có vẻ lạnh lùng xa cách.

Tuy nhiên, người Latvia lại là những người cực kỳ lịch sự trong giao tiếp và không làm gián đoạn hội thoại của những người khác vì họ coi đó như cách cư xử xấu. Điều quan trọng bạn cần để cho người tham dự cuộc họp có đủ thời gian để hoàn thành những gì họ đang nói trước khi bạn nói.

Bạn không nên phát biểu các thông tin không cần thiết, nói nhiều và không đúng mục đích vì điều đó có thể khiến cho những người Latvia tham dự cuộc họp khó chịu.

Các cuộc họp và đàm phán

Tại các cuộc họp của Latvia, các đại biểu cấp cao nhất của Latvia thường sẽ phát biểu khai mạc và sau đó là phát biểu của đại biểu cấp cao nhất của khách mời. Đại biểu cấp cao nhất sẽ đứng đầu trong việc chỉ đạo cuộc họp và giám sát quá trình ra quyết định.

Latvia thường sử dụng thời gian như một chiến thuật đàm phán và do đó bạn nên tôn trọng điều này.

Ngoài ra, trước khi kinh doanh tại Latvia bạn nên đảm bảo các đề xuất của bạn được sao lưu và dịch sang tiếng Latvia. Tài liệu nên phù hợp và gọn gàng.

V. Đánh giá tiềm năng của thị trường Latvia

Nhìn chung kim ngạch giữa hai nước còn rất nhỏ. Các mặt hàng chính Việt Nam xuất sang Latvia: Hải sản, hạt điều, cà phê, hạt tiêu, sản phẩm chất dẻo, sản phẩm mây tre đan, gỗ và sản phẩm gỗ, hàng dệt may, giày dép các loại.

Việt Nam chủ yếu nhập các sản phẩm: Cao su, gỗ và sản phẩm gỗ, bông, vải các loại, nguyên phụ liệu dệt, may, da, máy móc, thiết bị, dược phẩm.

Latvia là thị trường tiềm năng về thủy sản. Latvia chủ yếu nhập khẩu cá và các sản phẩm cá đóng hộp từ 40 quốc gia trên thế giới để cung cấp số lượng nguyên liệu cần thiết cho ngành chế biến thủy sản. Các nhà cung cấp hàng đầu về cá cho Latvia hiện tại vẫn là Lithuania, Thụy Điển, Na Uy, Ba Lan, Estonia và Ma-rốc.

Mặc dù Latvia có tiềm năng lớn nhưng theo các chuyên gia, các doanh nghiệp Việt Nam còn e ngại xuất khẩu sang thị trường này do gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận thị trường cũng như thiếu thông tin về quy định và thủ tục xuất nhập khẩu, về các vấn đề pháp lý, ưu đãi thuế quan, sở hữu trí tuệ. Do vậy, để đẩy mạnh kim ngạch xuất khẩu vào thị trường Latvia các doanh nghiệp Việt Nam cần phân chia thị trường thành nhiều phân khúc nhỏ lẻ khác nhau để khai thác. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp xuất khẩu cũng cần kết nối với hệ thống phân phối bán lẻ, các kênh buôn bán tại địa phương để đẩy mạnh việc tiêu thụ sản phẩm hàng hóa.

Để khai thác tốt thị trường Latvia không phải là chuyện một sớm một chiều và doanh nghiệp phải biết kết hợp cạnh tranh bằng giá cũng như thấu hiểu tâm lý, truyền thống của thị trường này.

VI. Địa chỉ hữu ích

Latvijas Republikas Ekonomikas Ministrija

Bộ Kinh tế của nước Cộng hòa Latvia

Riga, Latvia

Tel: +371 67013079

Email: pasts@em.gov.lv

Đại sứ quán Latvia tại Trung Quốc, kiêm nhiệm Việt Nam

Unit 71, Green Land Garden No 1A Green Land Road 100016

Chaoyang District, Beijing, China

Tel: +86-10-6433-3863

Fax: +86-10-6433-3810

Email: embassy.china@mfa.gov.lv

Website: <http://www.latvianembassy.org.cn/>

Đại sứ quán Việt Nam tại Liên Bang Nga, kiêm nhiệm Latvia

Moscow, Bolshaya Pirogovskaia, 13

Tel: +7 499 2451092

Fax: +7 499 2463121

E-mail: vnemb.ru@mofa.gov.vn

VII. Tài liệu tham khảo

Số liệu thống kê xuất nhập khẩu của Việt Nam với Latvia của Tổng cục Hải quan và Bản đồ thương mại (Trademap) của Trung tâm thương mại quốc tế (ITC).

Thông tin tổng quan về Latvia của CIA The World Factbook:

<https://www.cia.gov/library/publications/resources/the-world-factbook/>

Thông tin về quy định nhập khẩu vào Latvia có tại: <http://www.austrade.gov.au>;
www.export.gov

Thông tin về quan hệ ngoại giao Việt Nam – Latvia trên website của Bộ Ngoại giao Việt Nam.

Trang web của Cục Xúc tiến thương mại: www.vietrade.gov.vn

Trang web của Bộ Công Thương: www.moit.gov.vn



Mọi thông tin xin liên hệ:

Cục Xúc tiến thương mại

Phòng Nghiên cứu Phát triển thị trường

Địa chỉ: 20 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: 84.4.4.39347628, số máy lẻ 174; 193

Fax: 84.4.39348142

Email: nctt@vietrade.gov.vn

Website: <http://www.vietrade.gov.vn>